

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 174/CV-PKP ngày 17/4/2026 của Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cà phê hòa tan” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ kèm theo (mã số hồ sơ: H15.50-260420-101351);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Tờ trình số 362/TTr-SNNMT ngày 28/4/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát, địa chỉ tại Lô C26 Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến cà phê hòa tan.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C26 và một phần Lô C28 Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 6001662783 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2019, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/6/2025. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 70/QĐ-KCN, cấp lần đầu ngày 24/7/2019, cấp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 09/12/2025.

1.4. Mã số thuế: 6001662783.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến cà phê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 16.643 m².

- Dự án đầu tư Nhóm III (Căn cứ số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được chỉnh sửa, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

- Công suất: 1.200 tấn sản phẩm/năm, trong đó: Cà phê hòa tan: 1.000 tấn sản phẩm/năm; cà phê lỏng: 200 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu (hạt cà phê) → Làm sạch → Rang → Silo chứa → Nghiền → Chiết xuất → Một phần được đóng gói sản phẩm cà phê lỏng; phần còn lại được ly tâm + tách hương → Cô đặc → Sấy phun, nâng độ lớn cỡ hạt → Sản phẩm cà phê hòa tan → Đóng gói sản phẩm → Lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép đấu nối nước thải, nước mưa vào đúng vị trí đã được cấp có thẩm quyền cho phép và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - BQL các KCN tỉnh;
 - UBND xã Hòa Phú;
 - Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phú;
 - Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát;
- (Đ/c: Lô C26 Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú)
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án sau khi qua hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 150 m³/ngày đêm (nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Hòa Phú), được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Hòa Phú (Theo Biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối cho Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát ngày 29/7/2019, Công văn số 58/CTY-KHKT ngày 27/3/2026 của Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú về việc tiếp nhận nước thải phát sinh của Doanh nghiệp).

Nội dung không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh của dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm, sau đó chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng: 02 bể, dung tích 8 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải (đen) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hồ thu → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Số lượng: 01.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa 1 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung hòa 2 → Bể UASB → Bể thiếu khí (anoxit) → Bể sinh học MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung hòa 3 → Bể khử màu → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer, chlorine, than hoạt tính, H₂O₂ hoặc các hóa chất khác có tính chất tương đương.

- Điểm đầu nổi nước thải của Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú: Hồ thu gom nước thải GP11-2 (hồ thu thứ 02 tính từ nút giao trục đường CN3 và CN11) trên trục đường CN11. Vị trí hồ thu cách điểm C trong sơ đồ mặt bằng đầu nổi hạ tầng khoảng 20m (theo sơ đồ mặt bằng đầu nổi hạ tầng kèm theo Biên bản thỏa thuận vị trí đầu nổi cho Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát ngày 29/7/2019).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ.

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao, chống ăn mòn. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ; bố trí thiết bị dự phòng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú (QCVN 40:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú, không thải ra môi trường, đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này và thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định khi có sự cố xảy ra./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi từ hoạt động làm sạch tinh hạt cà phê.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ hoạt động rang hạt cà phê.
- Nguồn số 03: Bụi từ hoạt động thổi cà phê đã rang vào silo chứa.
- Nguồn số 04: Khí thải từ hoạt động của lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiều 3⁰)

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 02) Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống rang cà phê, tọa độ: X= 439742; Y= 1392853.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 04): Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ: X = 439800, Y = 1393500.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 5.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 45.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----------------------------|-----------------|--------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| Dòng thải khí số 01 | | | | 06 tháng/lần (1) | Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) |
| 1 | Bụi | mg/Nm ³ | 80 | | |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | 400 | | |
| 3 | NO _x | mg/Nm ³ | 400 | | |
| 4 | VOC | mg/Nm ³ | 120 | | |
| Dòng thải khí số 02 | | | | | |
| 1 | Bụi | mg/Nm ³ | 80 | | |

| | | | | | |
|---|-----------------|--------------------|-----|--|--|
| 2 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 300 | | |
| 3 | NO _x | mg/Nm ³ | 300 | | |
| 4 | CO | mg/Nm ³ | 350 | | |
| 5 | VOC | mg/Nm ³ | 120 | | |

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh tại từng nguồn được thu gom và xử lý bằng công trình xử lý riêng biệt.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải từ hoạt động rang cà phê

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ lò rang → hệ thống thu gom (chụp hút, đường ống thu gom, quạt hút) → cyclon (tách bụi thô) → buồng đốt thứ cấp → tháp hấp thụ → Ống khói cao khoảng 15m so với mặt đất.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH 1% hoặc các hóa chất khác có tính chất tương đương.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải lò hơi

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → hệ thống thu gom (đường ống, quạt hút) → cyclon chùm (số lượng 72 cái) → bể dập bụi ướt → ống thoát khí thải cao khoảng 22m so với mặt đất.

- Công suất thiết kế: 45.000m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Ca(OH)₂ hoặc các hóa chất khác có tính chất tương đương.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.2.3. Công trình xử lý bụi từ hoạt động làm sạch tinh hạt cà phê

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → hệ thống thu gom (chụp hút, đường ống, quạt hút) → cyclon (chứa thiết bị lọc bụi đa túi vải) → thùng chứa bụi.

1.2.4. Công trình xử lý bụi, khí thải từ hoạt động thổi cà phê đã rang vào silo chứa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → hệ thống thu gom (đường ống, quạt hút) → cyclon (chứa thiết bị lọc bụi đa túi vải) → thùng chứa bụi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi lưu thoát ra ngoài môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải. Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp phối hợp và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm: Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải được đầu tư xây dựng hoàn thiện và Dự án đi vào hoạt động thử nghiệm để đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn rang hạt cà phê.

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống rang cà phê, tọa độ: X= 439742; Y= 1392853.

- Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ: X = 439800, Y = 1393500.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc đối với công trình xử lý bụi, khí thải trong vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh; bảo đảm chất lượng khí thải thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp; điêm (cửa) lấy mẫu, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

3.5. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty TNHH Sản xuất Phúc Khang Phát chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực nhà xưởng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

| Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA) | | | Ghi chú |
|---|-------------------------------|--------------------------------|-----------|
| Ngày (06 giờ -trước 18 giờ) | Tối (18 giờ -trước 22 giờ) | Đêm (22 giờ - trước 06 giờ) | |
| 70 | 65 | 60 | Khu vực E |

2.2. Độ rung: Quy chuẩn QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

| Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) | | Ghi chú |
|--|---------------------------------|-----------|
| Ngày (Từ 6 giờ - trước 22 giờ) | Đêm (Từ 22 giờ- trước 6 giờ) | |
| 75 | 70 | Khu vực D |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh các hoạt động gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Khu vực xử lý hạt cà phê, khu vực máy phát điện được cách ly với khu vực văn phòng.

- Không cho các máy móc có độ ồn cao làm việc vào những giờ nghỉ ngơi để tránh ảnh hưởng đến các nhà máy lân cận.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Đúc móng máy đủ khối lượng, bê tông độ dày cao và đủ chiều sâu móng.

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng làm giảm lực rung.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Định kỳ và thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh).*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến khoảng 245 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến khoảng 2,2 tấn/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 36 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu chứa: 32 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải được xây dựng bằng bê tông, gạch có mái che bằng tôn, nền lát xi măng chống thấm và có dán biển cảnh báo theo quy định. Trong nhà được bố trí thiết bị để lưu chứa từng loại chất thải khác nhau, có dán mã chất thải.

- Thiết bị chứa: 06 thùng nhựa, dung tích 120 lít.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa:

+ Nhà lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 16 m².

+ Khu vực lưu chứa bã cà phê: 405 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa:

+ Nhà lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nền BTCT, chống thấm, mái tôn, tường bao quanh bằng tôn, cửa ra vào có biển cảnh báo.

+ Khu vực lưu chứa bã cà phê: Có mái che, vây tôn xung quanh, nền BTCT, có rãnh thu gom nước thải từ quá trình ép bã cà phê đưa về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, cửa ra vào có lắp biển báo.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền BTCT, chống thấm, mái tôn, tường bao quanh bằng tôn, cửa ra vào có biển cảnh báo.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít, 660 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố lò hơi và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN

Dự án không có hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định. Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.